

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với
các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chỉ số theo dõi, đánh giá cải cách hành chính đối với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Chỉ số cải cách hành chính), bao gồm: các Tổng cục, các Cục, các Vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính hằng năm của các Tổng cục, Cục, Vụ trực thuộc Bộ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ.

b) Mục tiêu cụ thể

- Xác định được các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị thuộc Bộ phù hợp với đặc điểm, tính chất quản lý nhà nước của đơn vị.

- Xác định được thang điểm, phương pháp đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần, từ đó xác định được Chỉ số cải cách hành chính của từng đơn vị thuộc Bộ.

- Hằng năm công bố Chỉ số cải cách hành chính các đơn vị thuộc Bộ.

2. Yêu cầu

- Chỉ số cải cách hành chính phải bám sát nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ giai đoạn 2016-2020.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của từng đơn vị thuộc Bộ và đánh giá thực chất, khách quan, công bằng kết quả thực hiện cải cách hành chính hàng năm ở các đơn vị này.

- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất trong hệ thống cơ quan hành chính thuộc Bộ.

3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi: Theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hàng năm của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Đối tượng áp dụng:

1. Tổng cục Lâm nghiệp,
2. Tổng cục Thủy sản,
3. Tổng cục Thủy lợi,
4. Tổng cục Phòng, chống thiên tai.
5. Cục Trồng trọt,
6. Cục Bảo vệ thực vật,
7. Cục Chăn nuôi,
8. Cục Thú y,
9. Cục Quản lý xây dựng công trình,
10. Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn,
11. Cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản,
12. Cục Chế biến và Phát triển thị trường Nông sản
13. Vụ Kế hoạch,
14. Vụ Tài chính,
15. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường,
16. Vụ Hợp tác quốc tế,
17. Vụ Pháp chế,



18. Vụ Tổ chức cán bộ,
19. Vụ Quản lý doanh nghiệp,
20. Văn phòng Bộ,
21. Thanh tra Bộ.

II. NỘI DUNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần

Chỉ số theo dõi, đánh giá CCHC các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT được xác định trên 7 lĩnh vực, 40 tiêu chí và 76 tiêu chí thành phần, cụ thể như sau:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, gồm: 8 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, gồm: 7 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần;
- Cải cách thủ tục hành chính, gồm: 6 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, gồm: 4 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần;
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, gồm: 7 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần;
- Cải cách tài chính công, gồm: 4 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần;
- Hiện đại hóa hành chính, gồm: 7 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần.

Các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính được quy định cụ thể tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá là 100, trong đó:

- Điểm tự đánh giá của đơn vị là: 80/100.
- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là: 20/100.

Thang điểm đánh giá được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Điểm đánh giá tối đa áp dụng cho từng đơn vị được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Phương pháp đánh giá, chấm điểm và công bố kết quả Chỉ số cải cách hành chính

a) Tự đánh giá của đơn vị:

- Các đơn vị tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy

định trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính và hướng dẫn của Bộ. Điểm các đơn vị tự đánh giá được thể hiện tại cột “Tự đánh giá” của Phụ lục I.

- Điểm tự đánh giá của các đơn vị sẽ được Thường trực Ban chỉ đạo CCHC và cải thiện môi trường kinh doanh nông nghiệp của Bộ xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh.

b) Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:

- Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá qua lấy phiếu điều tra được thể hiện tại cột “Ghi chú” của Phụ lục I. Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, do Bộ quy định.

- Bộ câu hỏi điều tra xã hội học được xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí của Chỉ số cải cách hành chính.

- Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Điều tra XHH” của Phụ lục I.

c) Thẩm định chuyên môn:

- Vụ Tổ chức cán bộ thẩm định điểm tự chấm của các đơn vị trong các lĩnh vực: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính của đơn vị, Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức; Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC.

- Vụ Pháp chế thẩm định điểm tự đánh giá của các đơn vị trong lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện thể chế thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của đơn vị.

- Văn phòng Bộ thẩm định điểm tự đánh giá của các đơn vị trong lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính.

- Vụ Tài chính thẩm định điểm tự đánh giá của các đơn vị trong lĩnh vực cải cách tài chính công.

- Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định điểm tự đánh giá của các đơn vị trong lĩnh vực hiện đại hóa hành chính.

d) Thường trực Ban chỉ đạo cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh nông nghiệp của Bộ là bộ phận giúp việc cho Ban chỉ đạo trong công tác thẩm định, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị thuộc Bộ.

Định kỳ hàng năm, Thường trực Ban chỉ đạo cải cách hành chính của Bộ tổ chức họp hoặc gửi phiếu lấy ý kiến các đơn vị chuyên môn về kết quả chấm điểm của các đơn vị theo phân công để thông qua kết quả chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính của từng đơn vị; trình Bộ phê duyệt, công bố kết quả.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

a) Các đơn vị thuộc đối tượng đánh giá:

- Triển khai áp dụng Chỉ số CCHC tại đơn vị theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo CCHC và cải thiện môi trường kinh doanh của Bộ.

- Tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của đơn vị.

- Phối hợp với Thường trực Ban chỉ đạo trong việc tổ chức lấy phiếu điều tra để xác định Chỉ số CCHC của đơn vị.

b) Các đơn vị: Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Tài chính, Văn phòng Bộ, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thực hiện thẩm định chuyên môn các lĩnh vực theo phân công.

c) Văn phòng Thường trực CCHC (Vụ Tổ chức cán bộ):

- Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ triển khai áp dụng Chỉ số CCHC.

- Hàng năm xây dựng kế hoạch kèm theo dự toán kinh phí triển khai xác định Chỉ số CCHC; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện sau khi kế hoạch được phê duyệt.

- Tập huấn cho công chức chuyên trách CCHC của các đơn vị về công tác theo dõi, đánh giá và xác định Chỉ số CCHC; theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện kế hoạch xác định Chỉ số CCHC.

- Xác định nhóm đối tượng, quy mô mẫu phiếu, câu hỏi điều tra; chủ trì tổ chức lấy phiếu điều tra xã hội học.

- Tổng hợp, xử lý số liệu thu thập được để xác định Chỉ số CCHC và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả Chỉ số CCHC.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thông báo kết quả Chỉ số CCHC hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát nội dung Chỉ số CCHC để trình Bộ trưởng quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của Bộ.

d) Trung tâm Tin học và Thống kê:

- Phối hợp với Văn phòng Thường trực CCHC (Vụ Tổ chức cán bộ) trong việc xử lý, phân tích, tổng hợp kết quả của phiếu khảo sát ý kiến đánh giá kết quả CCHC.

- Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu Chỉ số CCHC hàng năm của các đơn vị thuộc Bộ; Phần mềm điều tra, khảo sát ý kiến đánh giá kết quả cải cách hành chính trên Chuyên trang cải cách hành chính của Bộ.

2. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí triển khai áp dụng Chỉ số CCHC được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai áp dụng Chỉ số CCHC hàng năm thực hiện theo quy định.

3. Thời gian thực hiện

- Kết quả tự đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính của các đơn vị gửi về Văn phòng Thường trực CCHC (Vụ Tổ chức cán bộ) trước ngày 25 tháng 12 hàng năm.

- Thường trực Ban chỉ đạo CCHC của Bộ thẩm định Chỉ số CCHC hoàn thành xác định điểm, kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC của các đơn vị trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt trước ngày 15/01 hàng năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế quyết định số 4655/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lưu VT, TCCB. (25)



CHỖ ĐÓNG DẤU
CHỖ ĐÓNG DẤU
CHỖ ĐÓNG DẤU

PHỤ LỤC I
CHỈ SỐ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ
THUỘC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 485/QĐ-BNN-TCCB ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá				Ghi chú
			Tự đánh giá	Bộ đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	19.00					
1.1	Kế hoạch cải cách hành chính	3.00					
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch (theo yêu cầu tại Công văn hướng dẫn xây dựng kế hoạch hàng năm)	1.00					
	<i>Ban hành kịp thời: 1</i>						
	<i>Ban hành không kịp thời: 0.5</i>						
	<i>Không ban hành: 0</i>						
1.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Chương trình, Kế hoạch CCHC của Bộ	1.00					
	<i>Xây dựng đầy đủ, rõ ràng: 1</i>						
	<i>Không xây dựng đầy đủ, rõ ràng: 0</i>						
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC của đơn vị	1.00					
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$</i>						
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>						

Caang
1

